TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THUỶ NGUYÊN** **THÀNH PHỐ P**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2019/HS-ST
Ngày 10-5-2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THUỶ NGUYÊN, THÀNH PHỐ P

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thu Hiền

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Hoàng Đắc Hân

Bà Ngô Thị Thu Hà

***- Thư ký phiên toà*:** Bà Nguyễn Thị Huyền - Thư ký Toà án nhân dân huyện Thuỷ Nguyên, thành phố P.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thuỷ Nguyên, thành phố P tham gia phiên toà: Bà Bùi Thị Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, thành phố P xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 26/2019/TLST-HS ngày 15 tháng 3 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 27/2019/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 4 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 18/2019/HSST-QĐ ngày 26 tháng 4 năm 2019 đối với bị cáo:

Trịnh Văn H, sinh năm 1986 tại P. Nơi cư trú: Thôn 9, xã K, huyện T, thành phố P; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trịnh Văn H, sinh năm 1962 và bà Bùi Thị T, sinh năm 1963; có vợ là Phạm Thị Bích L, sinh năm 1991 và có 02 con, con lớn sinh năm 2009, con nhỏ sinh năm 2013; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 18 tháng 12 năm 2018 đến ngày 24 tháng 12 năm 2018 được thay đổi bằng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

- *Bị hại:* Chị Phạm Thị L, sinh năm 1982 và anh Đỗ Văn V, sinh năm 1983; địa chỉ: Thôn 2, xã H, huyện T, thành phố P. Chị Phạm Thị L có mặt, anh Đỗ Văn V vắng mặt.

- *Người làm chứng:* Anh Trần Nhân H (tên gọi khác: Trần Nhân H); vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trịnh Văn H có quan hệ bạn bè với chị Phạm Thị L,sinh năm 1982 và chồng là anh Đỗ Văn V, sinh năm 1983; nơi cư trú: Thôn 2, xã H, huyện T, thành phố P. Khoảng 19 giờ ngày 17 tháng 12 năm 2018 Trịnh Văn H điều khiển xe ô tô biển kiểm soát 15A-399.72 của Trịnh Văn H chở vợ là chị Phạm Thị Bích L cùng hai con, vợ chồng chị Phạm Thị L, anh Đỗ Văn V và một số người khác đi ăn ở quán thịt chó tại thôn 7, xã Thủy Sơn, huyện T, thành phố P. Sau khi ăn xong thì anh Trần Nhân H, sinh năm 1980, nơi cư trú: xã An Sơn, huyện T, thành phố P là lái xe cho vợ chồng chị Phạm Thị L và anh Đỗ Văn V đã đưa cho chị Phạm Thị L số tiền hàng là 47.830.000 đồng gồm 02 cọc tiền, 01 cọc tiền có 1.460.000 đồng, cọc còn lại có 46.370.000 đồng, bên ngoài mỗi cọc tiền có tờ giấy ghi số tiền và được buộc bằng dây chun. Do chị Phạm Thị L không có túi xách nên đã đưa tiền cho chồng là anh Đỗ Văn V nhưng anh Đỗ Văn V không cầm. Thấy vậy Trịnh Văn H đã nói với chị Phạm Thị L đưa tiền cho Trịnh Văn H cầm hộ khi nào về Trịnh Văn H sẽ đưa lại cho chị Phạm Thị L. Chị Phạm Thị L đã đưa số tiền 47.830.000 đồng cho Trịnh Văn H giữ hộ, Trịnh Văn H đã cầm số tiền này cất vào túi ngực phía trong bên trái áo khoác đang mặc. Sau đó Trịnh Văn H điều khiển xe ô tô biển kiểm soát 15A-399.72 chở vợ chồng chị Phạm Thị L, anh Đỗ Văn V cùng mọi người đến quán karaoke Tam Giác Vàng ở xã Kiền Bái, huyện T, thành phố P để hát karaoke. Trước khi vào phòng hát chị Phạm Thị L có hỏi Trịnh Văn H tiền đâu thì Trịnh Văn H vỗ vào ngực trái và nói tiền vẫn ở đây. Trong lúc mọi người đang hát karaoke thì Trịnh Văn H đi ra ngoài phòng hát và nảy sinh ý định chiếm đoạt số tiền giữ hộ chị Phạm Thị L. Trịnh Văn H lấy số tiền chị Phạm Thị L gửi giấu vào cốp xe ô tô của mình. Trong lúc cất giấu tiền vào cốp xe ô tô do vội nên cọc tiền 1.460.000 đồng đã rơi lại vào giữa hai lớp vải của áo khoác Trịnh Văn H đang mặc. Sau đó Trịnh Văn H lên phòng hát cởi áo khoác ra để ở ghế phòng hát với mục đích để khi mọi người hát xong ra về thì Trịnh Văn H sẽ giả vờ quên áo khoác để chiếm đoạt tiền 47.830.000 đồng của chị Phạm Thị L gửi giữ hộ. Đến khoảng 23 giờ cùng ngày sau khi hát karaoke xong Trịnh Văn H cố tình để áo khoác lại phòng hát và điều khiển xe ô tô chở vợ chồng chị Phạm Thị L cùng mọi người về. Khi đi đến khu vực cây xăng ở xã Mỹ Đồng, huyện T, thành phố P thì chị Phạm Thị Bích Liên hỏi Trịnh Văn H về số tiền chị Phạm Thị L gửi thì Trịnh Văn H nói để quên áo khác ở quán karaoke Tam Giác Vàng và điều khiển xe ô tô chở mọi người quay lại quán karaoke Tam Giác Vàng. Khi quay lại quán karaoke Tam Giác Vàng thì phát hiện thấy anh Hoàng Đình Thắng, sinh năm 1999 ở xã Kiền Bái, huyện T, thành phố P là nhân viên của quán karaoke Tam Giác Vàng đang mặc áo khoác của Trịnh Văn H. Trịnh Văn H lấy áo khoác giả vờ kiểm tra và nói với chị Phạm Thị L số tiền trong túi áo khoác do quên áo khoác ở phòng hát đã bị nhân viên của quán lấy. Chị Phạm Thị L kiểm tra lại áo khoác thấy không còn tiền nên nghi ngờ nhân viên quán karaoke Tam Giác Vàng lấy và chị Phạm Thị L đã làm đơn trình báo công an. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T đã tiến hành khám xét khẩn cấp xe ô tô biển kiểm soát 15A.399.72 của Trịnh Văn H, thu giữ 01 cọc tiền 46.370.000 đồng tại cốp phụ phía bên trái đuôi xe ô tô. Kiểm tra áo khoác

của Trịnh Văn H thu giữ 01 cọc tiền 1.460.000 đồng trong áo khoác của Trịnh Văn H. Ngày 18 tháng 12 năm 2018 Trịnh Văn H bị bắt theo Lệnh bắt người bị giữ người trong trường hợp khẩn cấp.

Về vật chứng: 01 xe ô tô biển kiểm soát 15A-399.72 và 01 áo khoác màu xám thu giữ của Trịnh Văn H, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T đã trả lại cho Trịnh Văn H. Số tiền 47.830.000 đồng Trịnh Văn H chiếm đoạt của chị Phạm Thị L, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T đã trả lại cho chị Phạm Thị L.

Về dân sự: Chị Phạm Thị L và anh Đỗ Văn V đã nhận lại số tiền 47.830.000 đồng. Nay chị Phạm Thị L và anh Đỗ Văn V không có yêu cầu gì bồi thường thiệt hại và có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Trịnh Văn H.

Bản cáo trạng số 25/CT-VKSTN ngày 14 tháng 3 năm 2019 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thuỷ Nguyên, thành phố P đã truy tố bị cáo Trịnh Văn H về tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản theo điểm a khoản 1 Điều 175 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa bị cáo Trịnh Văn H đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội đúng như nội dung cáo trạng của Viện Kiểm sát nhân dân huyện T, thành phố P.

Tại phiên tòa bị hại là chị Phạm Thị L khai: Ngày 17 tháng 12 năm 2018 chị gửi Trịnh Văn H giữ hộ số tiền 47.830.000 đồng sau đó bị cáo Trịnh Văn H đã chiếm đoạt số tiền này. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T đã thu giữ số tiền 47.830.000 đồng và trả lại cho vợ chồng chị đầy đủ. Nay chị không có yêu cầu gì bồi thường thiệt hại và đề nghị Tòa án xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Trịnh Văn H, cho bị cáo Trịnh Văn H được cải tạo ngoài xã hội.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên Viện Kiểm sát nhân dân huyện T, thành phố P trình bày lời luận tội đối với bị cáo Trịnh Văn H, vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị kết tội bị cáo Trịnh Văn H theo toàn bộ nội dung cáo trạng. Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 175; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Trịnh Văn H từ 18 đến 24 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách đối với bị cáo Trịnh Văn H từ 36 đến 48 tháng. Giao bị cáo Trịnh Văn H cho Ủy ban nhân dân xã K, huyện T, thành phố P để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo Trịnh Văn H. Về dân sự: Tài sản bị cáo chiếm đoạt đã được thu hồi trả lại cho bị hại là chị Phạm Thị L và anh Đỗ Văn V, nay bị hại không có yêu cầu gì về bồi thường thiệt hại nên không xem xét giải quyết. Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị cáo Trịnh Văn H phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện T và Kiểm sát viên đã thực hiện đúng về trình tự thủ tục, thẩm quyền theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo, bị hại và người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Lời khai của bị cáo Trịnh Văn H tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T, lời khai của bị hại, lời khai của người làm chứng, biên bản khám xét khẩn cấp, vật chứng thu giữ và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét và công bố công khai tại phiên tòa. Như vậy đã có đủ căn cứ kết luận ngày 17 tháng 12 năm 2018 bị cáo Trịnh Văn H sau khi nhận được số tiền 47.830.000 đồng của chị Phạm Thị L gửi giữ hộ, Trịnh Văn H đã cất số tiền vào túi áo khoác đang mặc rồi dùng thủ đoạn giấu số tiền này vào trong cốp xe ô tô biển kiểm soát 15A-399.72 của mình và giả vờ để quên áo khoác ở phòng hát của quán karaoke Tam Giác Vàng tại xã Kiền Bái, huyện T, thành phố P mục đích đổ lỗi cho nhân viên của quán karaoke Tam Giác Vàng lấy tiền trong túi áo khoác của Trịnh Văn H để quên ở quán để chiếm đoạt số tiền 47.830.000 đồng của chị Phạm Thị L. Do đó bị cáo Trịnh Văn H đã phạm tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 175 của Bộ luật Hình sự. Vì vậy Viện kiểm sát nhân dân huyện Thuỷ Nguyên truy tố và đề nghị kết tội bị cáo Trịnh Văn H về tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 175 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng điều luật.

[3] Xem xét đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân bị cáo và quyết định hình phạt:

Hành vi phạm tội của bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự xã hội. Bị cáo Trịnh Văn H không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Bị cáo Trịnh Văn H phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; sau khi phạm tội và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tài sản bị cáo chiếm đoạt đã được thu hồi trả lại ngay cho bị hại và bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Căn cứ vào tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo Trịnh Văn H phạm tội nghiêm ít trọng, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân bị cáo không có tiền án, tiền sự; có nơi cư trú ổn định, rõ ràng nên không cần thiết phải bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù tại cơ sở giam giữ. Vì vậy Hội đồng xét xử áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự xử bị cáo mức hình phạt tù trên khởi điểm của khung hình phạt nhưng cho hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách đối

với bị cáo theo đề nghị của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện T, thành phố P đối với bị cáo tại phiên tòa là đủ điều kiện cải tạo giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung. Giao bị cáo Trịnh Văn H cho Ủy ban nhân dân xã K, huyện T, thành phố P để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 175 của Bộ luật Hình sự thì người phạm tội còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền. Xét bị cáo Trịnh Văn H không có nghề nghiệp ổn định, không có tài sản riêng nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo Trịnh Văn H.

[4] Về dân sự: Bị hại là chị Phạm Thị L và anh Đỗ Văn V đã nhận lại số tiền 47.830.000 đồng. Nay chị Phạm Thị L và anh Đỗ Văn V không có yêu cầu gì về bồi thường thiệt hại nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị cáo Trịnh Văn H phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 175, điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Trịnh Văn H 20 (hai mươi) tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản, thời gian thử thách là 40 (bốn mươi) tháng tính từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo Trịnh Văn H cho Ủy ban nhân dân xã K, huyện T, thành phố P để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Về án phí: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị cáo Trịnh Văn H phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại là chị Phạm Thị L có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại là anh Đỗ Văn V vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân TP P;
- Viện kiểm sát nhân dân TP P;
- PV27 Công an thành phố P;
- Sở Tư pháp thành phố P;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện T;
- Cơ quan điều tra Công an huyện T;
- Cơ quan Thi hành án hình sự Công an huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Uỷ ban nhân dân cấp xã (nơi bị cáo cư trú);
- Bị cáo; bị hại.
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Thu Hiền